

Nghiên cứu ứng dụng chỉ số quản trị công ty cho Ngân hàng thương mại Việt Nam

TS. Trần Thị Thanh Tú

Trường Đại học Kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội

Email: tuttt@vnu.edu.vn

Ths. Phạm Bảo Khánh

Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam

Email: khanh-pham.bao@div.gov.vn

Bài viết này nghiên cứu về cách thức ứng dụng chỉ số quản trị công ty cho các ngân hàng từ các nghiên cứu trước. Bằng cách xây dựng chỉ số quản trị công ty (CGI) dựa trên các nguyên tắc của OECD, Basel, các tác giả đề xuất một chỉ số quản trị công ty có thể áp dụng cho các ngân hàng Việt Nam. Một ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam quy mô trên trung bình, mới thành lập sẽ được sử dụng để thử nghiệm sự thích hợp của chỉ số CGI này. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng chỉ số quản trị công ty tại ngân hàng tính thử cho thấy chỉ số này phản ánh sát thực tình trạng quản trị công ty của ngân hàng và có quan hệ tỷ lệ thuận với quy mô và hiệu quả hoạt động (ROA) của ngân hàng đó trong hai năm 2010, 2011. Sự minh bạch và công khai được đánh giá là kém nhất. Các kết quả cụ thể của CGI này có thể hữu ích không chỉ đối với Ban Giám đốc của ngân hàng mà cả các nhà đầu tư và các nhà hoạch định chính sách. Kết quả nghiên cứu cũng gợi ý rằng (i) nên đưa thêm một số câu hỏi khi đánh giá chất lượng của quản trị công ty của ngân hàng, (ii) để tính CGI, cần có sự đánh giá định tính sâu sắc (iii) cần có những nỗ lực lớn từ phía các nhà hoạch định chính sách, các giám đốc ngân hàng để tăng tính minh bạch và công khai trong hoạt động ngân hàng.

Từ khóa: chỉ số quản trị công ty (CGI), ngân hàng Thương mại Việt Nam, điểm số

1. Giới thiệu

Hệ thống ngân hàng Việt Nam đã trải qua nhiều thay đổi kể từ năm 2008, trong đó có sự thay đổi lớn về cơ cấu sở hữu và quản trị. Sự thành lập các ngân hàng cổ phần, cổ phần hóa 3 ngân hàng thương mại nhà nước và ban hành Luật các tổ chức tín dụng 2010 là những mốc quan trọng của quá trình thay đổi này. Trong bối cảnh này, quản trị công ty trong hệ thống ngân hàng Việt Nam, một yếu tố góp phần ổn định hệ thống ngân hàng, đã được cải thiện nhiều. Tuy nhiên, quản trị ngân hàng cần có những thay đổi cơ bản để tăng nó có thể giúp tăng khả năng chống đỡ và sự ổn định của hệ thống ngân hàng. Quản trị công ty của các doanh nghiệp nói chung được đánh giá dựa trên các nguyên tắc của OECD

hoặc được đo lường bằng một chỉ số. Chỉ số quản trị công ty (CGI) được sử dụng tại nhiều nước. Mặc dù phương pháp tính toán chỉ số này giữa các nước là khác nhau, nhưng chỉ số CGI đều có mục tiêu chính là:

- Giám sát và nhận dạng các công ty không tuân thủ các quy định về quản trị công ty. Chỉ số này sẽ giúp làm tăng tính minh bạch và lành mạnh của thị trường tài chính.

- Cung cấp một tiêu chuẩn giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong quá trình gia nhập thị trường mới và hội nhập quốc tế.

- Giám sát rủi ro của các doanh nghiệp.

Ở Việt Nam, CGI chưa được giới thiệu. Thực tế

cho thấy cần phải giới thiệu chỉ số này để cải thiện tính minh bạch và sức mạnh của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa.

2. Các nghiên cứu trước liên quan

Hai loại CGI đã được nghiên cứu và xây dựng bởi các nghiên cứu và dự án: (i) CGI được xây dựng bởi từng quốc gia như Anh, Nhật, Singapore, Thổ Nhĩ Kỳ,... (ii) CGI của một nhóm các nước như CGI châu Âu, CGI của các nước phát triển (ISS, FTSE, 2005). Xét theo nội dung của chỉ số, có những chỉ số về những phần nhất định trong quản trị công ty, như chỉ số bảo vệ quyền của nhà đầu tư, chỉ số công khai và minh bạch (Marina, M. and Luc, R., 2005) và những chỉ số tổng hợp như GTI của Singapore (The Business Time and CGIO, 2011).

Trong xây dựng chỉ số quản trị công ty, có 2 phương pháp chính:

Thứ nhất, CGI được xây dựng thông qua một dự án kết hợp giữa các tổ chức nghiên cứu. Kết quả - chỉ số CGI được công bố trên thị trường và được xác nhận của một cơ quan như Ủy ban giao dịch chứng khoán. Loại này bao gồm các chỉ số của Malaysia, Singapore, (the Star online, 2010; the Business Times and CGI, 2011). Phương pháp để tính toán và kiểm định chỉ số này đã được xem xét lại qua từng thời kỳ (JCGRI, 2008). Các nguyên tắc để xây dựng một chỉ số bao gồm sự độc lập, sự tin cậy và sự minh bạch.

Thứ hai, chỉ số quản trị công ty được xây dựng dựa trên những nghiên cứu về mối quan hệ giữa quản trị công ty và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, những nghiên cứu này là phục vụ mục đích nghiên cứu mang tính học thuật (Pitabas Mohanty, 2011; Anlin Chen et. Al, 2007).

Nói chung, hầu hết các CGI được đo lường dựa trên các nguyên tắc quản trị công ty như các nguyên tắc của OECD. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy phương pháp xây dựng CGI khác nhau về loại chỉ tiêu thành phần để đánh giá và phương pháp tính. Ví dụ, CGI của Singapore (GTI) có 21 chỉ tiêu trong khi CGI của một nhóm các nước sử dụng tới 49 chỉ tiêu. Điều này chỉ ra rằng CGI phụ thuộc vào các điều kiện quốc gia. Mỗi nước nên có những nghiên cứu của riêng mình về CGI.

Ở Việt Nam hiện nay, ngày càng có nhiều nghiên cứu về quản trị công ty. Các báo cáo đánh giá về quản trị công ty ở Việt Nam (World Bank, 2006; N.D.Cung, Scott, R.2005) đã kết luận rằng Việt

Nam đã không tuân thủ phần lớn các nguyên tắc của OECD; các quy định về quản trị công ty đã không được tuân thủ tốt ở Việt Nam. Q.M.Hao (2008) và L.C.Hoa (2009) đã chỉ ra rằng quản trị công ty có ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Công trình nghiên cứu cấp nhà nước về xây dựng chỉ số quản trị công ty (2010) được thực hiện bởi T.N.Thắng đã đề xuất một bộ tiêu và phương pháp tính đối với CGI của Việt Nam.

Trong lĩnh vực ngân hàng, các nghiên cứu về quản trị công ty chủ yếu tập trung vào đánh giá chất lượng quản trị công ty. Các nghiên cứu đều thống nhất rằng có một khoảng cách lớn giữa các nguyên tắc của OECD và quy định về quản trị ngân hàng ở Việt Nam. Các nghiên cứu này chỉ ra rằng tính độc lập của Hội đồng quản trị rất yếu, quyền của cổ đông thiểu số không được bảo vệ tốt, sự công khai và minh bạch không đầy đủ và thỏa đáng. Các nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng việc niêm yết trên sàn chứng khoán và sự tư nhân hóa đã cải thiện vấn đề quản trị ngân hàng trong vài năm gần đây. Cùng với các nguyên tắc của OECD, các nguyên tắc của Basel về tăng cường quản trị công ty trong ngành ngân hàng đã tạo một khuôn khổ cho quản trị ngân hàng. Tuy nhiên, các đánh giá dựa trên những nguyên tắc này là định tính và do vậy, khó có thể so sánh quản trị công ty giữa các ngân hàng. Hơn nữa, phương pháp xây dựng CGI được đề xuất bởi T.N.Thắng (2010) chỉ bao gồm quản trị công ty của các công ty nói chung mà không tính đến những quy định riêng đối với các ngân hàng. Giống như các nước khác, hệ thống ngân hàng ở Việt Nam được điều chỉnh khác với các ngành khác, khiến quản trị ngân hàng có những khác biệt cơ bản với quản trị công ty ở các ngành khác. Trong bối cảnh này, cần thiết phải có một CGI cho các ngân hàng. Trong nghiên cứu được công bố năm 2012 tại cuốn sách Báo cáo kinh tế thường niên Việt Nam (Nguyễn Đức Thành, 2012)– Đối diện thách thức tái cơ cấu kinh tế, các tác giả đã đề xuất một bộ các chỉ số và phương pháp tính toán để xây dựng CGI và đã sử dụng chúng để xây dựng CGI cho tất cả các ngân hàng Việt Nam. Công việc này có thể được xem như nghiên cứu thử nghiệm đầu tiên trên quy mô lớn để kiểm tra tính khả thi của việc tính toán CGI cho các ngân hàng. Kết quả sẽ tốt khi thông tin để xây dựng chỉ số này được xem là đầy đủ. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng có sự khác biệt rõ ràng giữa quản trị công ty trong các ngân hàng Việt Nam và các tiêu chuẩn

quốc tế trong đó CGI thực của các ngân hàng thấp hơn nhiều so với mức tối đa. Tuy nhiên, khi cho điểm chỉ số quản trị công ty, một số chỉ tiêu cần phải được chỉnh sửa và cần có đánh giá định tính sâu sắc về quản trị công ty của từng ngân hàng thì CGI mới được tính toán phù hợp.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, bài viết này đã chỉnh sửa phương pháp xây dựng CGI đối với các ngân hàng ở Việt Nam mà được giới thiệu lần đầu vào tháng 3/2012 và đã kiểm tra phương pháp này bằng cách tính toán CGI cho một ngân hàng và có những đánh giá sâu về quản trị công ty của ngân hàng, qua đó đánh giá tính thích hợp của CGI.

3. Phương pháp xây dựng CGI

Dựa trên phương pháp tính CGI cho tất cả các doanh nghiệp (T.N.Thắng, 2010), các nguyên tắc của OECD và các nguyên tắc của Basel nhằm tăng cường quản trị công ty (2006), những chỉnh sửa từ lần thử nghiệm đầu tiên vào tháng 3/2012, phương pháp xây dựng CGI cho các ngân hàng được đề xuất như sau.

Có 60 câu hỏi với 5 phần chính:

- Cổ đông và Đại hội cổ đông (18 câu hỏi);
- Ban giám đốc (20 câu hỏi);
- Ban kiểm soát (8 câu hỏi);
- Công khai và minh bạch, kiểm toán (12 câu hỏi);
- Sự vi phạm (2 câu hỏi);

Các câu hỏi được thiết kế đơn giản hơn và được cho điểm dựa trên thang điểm trong Phụ lục 1. Điểm tối đa là 100. Nếu các ngân hàng có bất kỳ vi phạm quy định nào, điểm số của họ sẽ bị trừ đi.

Bảng 1. Thang điểm

Phần	Điểm
Cổ đông và Đại hội cổ đông	37
Ban giám đốc	34
Ban kiểm soát	8
Công khai và minh bạch, kiểm toán	21
Vi phạm	-2

Trong bài viết này, ngân hàng được lựa chọn để cho điểm dựa trên những xem xét sau:

Đó là một ngân hàng mới thành lập trong năm 2008, ngay sau khi quá trình cổ phần hóa bắt đầu.

Luật các tổ chức tín dụng 2010 có ảnh hưởng lớn tới hoạt động của các ngân hàng mới thành lập.

Vốn của ngân hàng này được xếp trong top 12 ngân hàng lớn nhất và tài sản được xếp trong top 20 ngân hàng lớn nhất trong số 44 ngân hàng Việt Nam.

Hiệu quả hoạt động của ngân hàng (ROA) được xếp trong top 20.

Với những đặc trưng này, ngân hàng được lựa chọn sẽ không bị ảnh hưởng bởi phong cách quản trị của một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung trước đây và dự kiến sẽ mang phong cách quản trị của một nền kinh tế thị trường sau quá trình tư nhân hóa. Ngân hàng này là một ngân hàng thương mại cổ phần quy mô cỡ vừa cho đến lớn ở Việt Nam. Xuất phát từ đặc điểm này, quản trị công ty của ngân hàng dự kiến sẽ phù hợp hơn với thông lệ quốc tế và tuân thủ tốt hơn các quy định về ngân hàng ở Việt Nam so với ngân hàng khác. Ngân hàng này cũng được đánh giá là công khai và minh bạch hơn, do vậy thông tin về ngân hàng sẽ đầy đủ để thực hiện tính CGI.

Thông tin và dữ liệu thứ cấp của ngân hàng bao gồm: báo cáo thường niên, báo cáo tài chính đã được kiểm toán, các báo cáo và nguồn tài liệu khác trong Đại hội cổ đông (GSM), thông tin khác từ website của ngân hàng và các website liên quan khác. Dữ liệu thiết yếu bao gồm các thảo luận với các nhà đầu tư và các chuyên gia. Với thông tin này, CGI của ngân hàng được tính toán cho năm 2010 và 2011.

4. Kết quả tính toán và phân tích

Đánh giá tổng quan về điểm CGI của Ngân hàng nghiên cứu trong năm 2010, 2011

CGI của ngân hàng năm 2010 là 52/100 và năm 2011 là 53/100. Trong 2 năm, quản trị công ty của ngân hàng được cải thiện không đáng kể, cụ thể số lượng các thành viên độc lập tăng từ 2 lên 3 thành viên. Tất cả các thông tin khác không thay đổi. Với kết quả này, ngân hàng được xếp hạng nằm trong top 20 ngân hàng về quản trị công ty trong năm 2011. Xếp hạng này cũng phù hợp với xếp hạng về ROA và quy mô tài sản của ngân hàng. So sánh với các nguyên tắc của OECD, Basel và các quy định của Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng đã tuân thủ được một nửa trong các nguyên tắc (52/100). Vẫn có khoảng cách đáng kể giữa việc tuân thủ thực tế và các quy định nhưng có thể ghi nhận rằng ngân hàng đã có những nỗ lực nhất định để cải thiện vấn đề quản trị công ty của mình.

Bảng 2. CGI ngân hàng nghiên cứu

Phần	2010	2011
Cổ đông và Đại hội cổ đông	22/37	22/37
Hội đồng quản trị	16/31	17/34
Ban Kiểm soát	5/8	5/8
Công khai và minh bạch, kiểm toán	9/21	9/21
Vi phạm	0	0

Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán

Đánh giá về điểm số của các từng phần

Điểm số của Cổ đông và Đại hội cổ đông là 22/37. Đây là điểm số trên mức trung bình. Điểm của Hội đồng quản trị là 16/34 (2010) và 17/34 (2011), xấp xỉ 1/2 điểm số tối đa. Cũng giống như điểm số của 2 phần trên, điểm số của Ban kiểm soát chỉ trên mức trung bình một chút – 5/8. Vì vậy, hầu như không có sự khác biệt giữa 3 phần này và điểm số chỉ xung quanh mức một nửa điểm số tối đa. Các chỉ tiêu này cho thấy có khoảng cách giữa thực tế quản trị của ngân hàng và các nguyên tắc của OECD và Basel về Cổ đông và Đại hội cổ đông, Ban giám đốc và Ban kiểm soát. Ba phần này cũng được đánh giá ở mức như nhau.

Ngược lại với ba phần ở trên, phần Công khai và minh bạch, kiểm toán được đánh giá kém nhất. Điểm số của phần này là 9/21, thấp hơn nhiều so với trung bình và so với điểm số của các phần khác. Sự yếu kém này là do 2 nguyên nhân sau: (i) các báo cáo tài chính được thực hiện chỉ dựa trên chuẩn mực kế toán Việt Nam – thấp hơn rất nhiều so với chuẩn mực kế toán quốc tế, (ii) số lượng và tần suất các báo cáo và thông tin được công khai về tình trạng tài chính, hoạt động và các giao dịch nội bộ đặc biệt hay các giao dịch với bên thứ ba là rất hạn chế và ít hơn đáng kể so với yêu cầu. Hơn nữa, đánh giá định tính về các nguồn thông tin khác cũng ủng hộ nhận định này. Đó là một trong số các cổ đông chính của ngân hàng đã vay từ ngân hàng một khoản vay có giá trị lớn hơn cổ phần của cổ đông đó trong ngân hàng. Loại thông tin này rất khó để thu thập được một cách chính thức hoặc từ các website chính như website của ngân hàng hoặc của Ủy ban giao dịch chứng khoán trong khi nó có thể được thu thập rải rác từ các nguồn khác và các nhà đầu tư nhỏ khó có thể tìm thấy dễ dàng nếu không có các thảo luận không chính thức với các nhà đầu tư lớn. Hơn nữa, thực tế cho thấy không dễ có cơ hội thảo luận với các nhà đầu tư lớn nếu bạn không có bất kỳ mối

quan hệ nào với họ.

Những hạn chế trong vấn đề công khai và minh bạch đã dẫn tới tình trạng các nhà đầu tư rất khó tìm thấy thông tin về ngân hàng từ các nguồn chính thống, do vậy, họ có xu hướng tìm tới những nguồn không chính thống để có được thông tin. Hiện tượng này ngày càng trở nên phổ biến hơn, vì vậy thông tin không chính thống càng trở nên quan trọng hơn trong mắt nhiều nhà đầu tư và do vậy sẽ có ảnh hưởng nhiều hơn tới hành vi của các nhà đầu tư. Nếu tình trạng này không được kiểm soát, nó sẽ có những ảnh hưởng bất lợi đối với thị trường:

Niềm tin của các nhà đầu tư vào các quy định và hệ thống tài chính sẽ giảm theo thời gian nếu thông tin từ các nguồn không chính thống trở thành sự thật.

Rủi ro trong hệ thống tài chính sẽ tăng và thậm chí bị mất kiểm soát nếu những nguồn thông tin không chính thống được sử dụng để lan truyền thông tin cho mục đích xấu.

Như phần trình bày trên, Công khai và minh bạch là khâu yếu nhất trong quản trị công ty của ngân hàng nghiên cứu so với các tiêu chí đánh giá về Cổ đông và Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Sự khác biệt trong điểm số của 4 phần này được khẳng định thêm qua phân tích định tính. Các ngân hàng Việt Nam có xu hướng xây dựng đủ các văn bản hướng dẫn hoặc chính sách nội bộ theo quy định của Ngân hàng nhà nước. Những văn bản này đề cập tới đầy đủ các nội dung theo quy định. Nhưng thực tế, việc triển khai các văn bản không phải lúc nào cũng đúng với các nội dung mà ngân hàng ban hành. Sự không tuân thủ này có thể được che giấu bởi các ngân hàng đặc biệt khi mà tính hiệu lực của các quy định ở Việt Nam còn rất yếu và khả năng giám sát, cưỡng chế thực thi còn hạn chế.

5. Kết luận và đề xuất

Kết quả tính thử CGI của ngân hàng nghiên cứu

cho thấy CGI có thể được dụng để sử dụng phản ánh quản trị công ty của ngân hàng. Điểm số của phần Công khai và minh bạch phản ánh tốt tình trạng thực tế của ngân hàng, Tuy nhiên, đối với 3 phần Cổ đông và Đại hội cổ đông, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, các câu hỏi nên được cải tiến để chúng có thể đo lường tốt hơn chất lượng của các phần đó.

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng đối với một ngân hàng quy mô trung bình hoặc lớn, được thành lập sau quá trình tư nhân hóa và không bị ảnh hưởng bởi phong cách quản trị của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quản trị công ty của ngân hàng đó đã tuân thủ được một nửa các nguyên tắc của OECD, Basel và các quy định của Ngân hàng nhà nước. Kết quả này cho thấy Việt Nam cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa để hệ thống tài chính ngân hàng có thể hội nhập quốc tế.

Minh bạch và công khai là phần yếu nhất trong quản trị công ty ngân hàng. Điểm yếu này không khó để xác định nhưng nếu không đo lường thường xuyên, nó sẽ có ảnh hưởng bất lợi tới niềm tin của

các nhà đầu tư vào các quy định và chính sách của chính phủ. Nó cũng sẽ làm tăng rủi ro khi mà nguồn thông tin không chính thống ngày càng ảnh hưởng tới hành vi của các nhà đầu tư.

Từ những nhận xét trên, bài viết đề xuất như sau:

Đối với ba phần trong thang điểm đánh giá (tức là Cổ đông, Ban giám đốc và Ban kiểm soát), cần thiết phải có một đánh giá hoàn toàn định tính trước khi quyết định điểm số cho mỗi câu hỏi. Thêm vào đó, các câu hỏi cho các phần này nên được xem xét thêm để đo lường tốt hơn chất lượng quản trị công ty.

Trong hệ thống ngân hàng, công khai và minh bạch nên được tăng cường ở cả số lượng và chất lượng của thông tin. Điều này có thể đạt được bằng cách đánh giá và thay đổi các chính sách hiện tại và tăng cường hiệu lực của các chính sách đó. Vai trò của các nguồn thông tin không chính thống nên được giảm xuống. □

Tài liệu tham khảo:

1. Điều lệ ngân hàng năm 2010, 2011 (sửa đổi).
2. Văn bản hướng dẫn và quyết định về quản trị điều hành và hoạt động của ngân hàng.
3. Các báo cáo về hoạt động và tình hình tài chính năm 2010, 2011.
4. Japan Corporate Governance Research Institute (2008), “*Reports of annual JCGR survey on corporate governance in Japan : 2002-2008*”
5. Le Cong Hoa et al.(2009), “*Corporate governance in Vietnam. Does it really works?*” National Economics University
6. Marina, M. and Luc, R (2010). “*A Corporate Governance Index: Convergence and Diversity of National Corporate Governance Regulations,*” Discussion Paper 2010-17, Tilburg University, Center for Economic Research.
7. N.D.Cung, Scott, R. 2005, “*Corporate Governance in Vietnam*”, Policy Brief # 36, William Davidson Institute, University of Michigan
8. Pitabas Mohanty (2011), “*The link between corporate governance and firm performance – Evidence from India*”, International centre for financial regulation
9. Quach Manh Hao (2008), “*Equalization in Vietnam: Corporate governance perspective*”,
10. The business Times and Center for Governance, Institutions and Organizations (2011), “*Governance and transparency Index – GTI*”
11. T.N.Thang (2010) , “*Building corporate governance index*”, State research project
12. Nguyễn Đức Thành (2012), Báo cáo kinh tế thường niên 2012, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà nội
13. World Bank (2006), “*Report on the Observance of Standards and Codes , Corporate Governance Country Assessment, Vietnam*”.

Phụ lục 1. Phương pháp đánh giá CGI đối với ngân hàng thương mại Việt Nam

Loại hình ngân hàng:

- Ngân hàng thương mại nhà nước Việt Nam (100% vốn nhà nước)
- Ngân hàng thương mại nhà nước, đã được cổ phần hóa
- b. Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam
- Ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam

I. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

1. Tỷ lệ cổ phần của tổ chức và cá nhân nước ngoài tại ngân hàng (Tối đa: 1 điểm)

- a. 0% b. Từ trên 0% đến 10% c. Từ trên 10% đến 15% d. Trên 15%

Nếu có cổ phần của tổ chức nước ngoài, được 1 điểm

2. Ngân hàng (đối với ngân hàng chưa niêm yết). (Tối đa: 1 điểm)

- a. Hiện tại không có ý định niêm yết
b. Có ý định niêm yết, nhưng chưa có kế hoạch cụ thể
c. Có ý định, và đang xem xét/đang triển khai kế hoạch

Nếu ngân hàng trả lời a, b, đánh số 0, trả lời c, đánh số 1

3. Ngân hàng có kế hoạch niêm yết ở nước ngoài (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không c. Đang xem xét

Nếu ngân hàng trả lời a, được 1 điểm, trả lời b, c: được 0 điểm

4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần được xác định là cổ đông lớn là 5% (Tối đa 1 điểm)

- a. Đúng b. Sai

Trả lời a: 1 điểm, b: 0 điểm

5. Cổ đông được tự do chuyển nhượng cổ phần (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Trả lời a: 1 điểm, b: 0 điểm

6. Điều lệ ngân hàng tuân thủ Điều lệ mẫu của NHNN (Tối đa 1 điểm)

- a. Tuân thủ đúng theo điều lệ mẫu
b. Tuân thủ và có bổ sung những quy định khác
c. Không tuân thủ

Trả lời a, b: 1 điểm, c: 0 điểm

7. Quy chế quản trị ngân hàng bao gồm (6 điểm)

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập, biểu quyết ĐHĐCĐ
b. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, miễn nhiệm thành viên HĐQT
c. Trình tự thủ tục tổ chức họp HĐQT
d. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cao cấp
e. Quy trình phối hợp hoạt động giữa cơ quan quản trị
f. Quy định về đánh giá hoạt động khen thưởng kỷ luật đối với các cơ quan quản trị

Chọn mỗi phương án được 1 điểm, phương án không chọn: 0 điểm

8. Thời gian triệu tập ĐHĐCĐ thường niên sau khi kết thúc năm tài chính (Tối đa 2 điểm)

- a. Dưới 2 tháng b. Từ 2 đến 4 tháng c. Trên 4 tháng

Trả lời a: 2 điểm, b: 1 điểm, c: 0 điểm

9. Giấy triệu tập ĐHĐCĐ được thông báo trước (tối đa 2 điểm)

- a. Dưới 10 ngày b. Từ 10 đến 20 ngày c. Trên 20 ngày

Trả lời a: 0 điểm, b: 1 điểm, c: 2 điểm,

10. Ngân hàng có đưa ra ngưỡng sở hữu để hạn chế cổ đông tham dự ĐHĐCĐ không? (Tối đa 1 điểm)

- a. Có đưa ra ngưỡng b. Không đưa ra ngưỡng

Trả lời a: 0 điểm, b: 1 điểm

11. Hình thức thông tin cho cổ đông về ĐHĐCĐ (Tối đa 3 điểm)

- a. Thư đến từng cổ đông b. Công bố trên website ngân hàng c. Đăng trên báo chí

Chọn mỗi phương án a, b, c: được 1 điểm đối với 1 phương án, không chọn phương án nào thì phương án đó là 0 điểm

12. Ngân hàng có quy chế tổ chức ĐHĐCĐ (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 điểm, b: 0 điểm

13. Ngân hàng cung cấp thông tin về quy trình biểu quyết (Tối đa 2 điểm)

- a. Cho cổ đông b. Trên phương tiện thông tin đại chúng c. Cả hai
d. Không cung cấp

Chọn a hoặc b: 1 điểm, chọn c: 2 điểm, chọn d: 0 điểm (Thay đổi so với bản 23.03.2012: Chọn a hoặc b hoặc c: 1 điểm, không có phương án d.)

14. Cổ đông được biểu quyết thông qua đại diện (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 điểm, b: 0 điểm

15. Hình thức bầu tại ĐHĐCĐ theo hình thức đơn phiếu (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 điểm, b: 0 điểm

16. Báo cáo của hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ bao gồm (Tối đa 5 điểm)

- a. Đánh giá tình hình hoạt động của ngân hàng
b. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính
c. Kết quả giám sát đối với ban giám đốc, cán bộ quản lý cao cấp
d. Đánh giá sự phối hợp HĐQT, BKS, BGĐ và cổ đông
e. Khác

Chọn mỗi phương án được 1 điểm, không chọn: 0 điểm/mỗi phương án

17. Báo cáo của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ bao gồm (Tối đa 6 điểm):

- a. Các hoạt động của BKS
b. Tổng kết các cuộc họp và quyết định của BKS
c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính
d. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, BGĐ
e. Đánh giá sự phối hợp HĐQT, BKS, BGĐ và cổ đông
g. Khác

Chọn mỗi phương án: được 1 điểm, không chọn: 0 điểm/mỗi phương án

18. Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố trên website ngân hàng (Tối đa 1 điểm)

- a. Có được công bố b. Không được công bố

Chọn a: 1 điểm, b: 0 điểm

II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

19. Tỷ lệ thành viên không điều hành và thành viên độc lập trong tổng số thành viên HĐQT (Tối đa 2 điểm)

- a. Nhỏ hơn $\frac{1}{2}$ b. $\frac{1}{2}$ c. Lớn hơn $\frac{1}{2}$

Chọn a: 0 điểm, b: 1 điểm, c: 2 điểm

20. Số lượng thành viên hội đồng quản trị độc lập hoàn toàn (Tối đa 1 điểm)

- a. 0 thành viên b. Từ 1 đến 2 thành viên c. Từ 3 thành viên trở lên

Chọn a hoặc b: 0 điểm, c: 1 điểm

21. Thông tin về trình độ, quy trình/khoá đào tạo và kinh nghiệm của thành viên HĐQT (Tối đa 2 điểm)

- a. Được công bố trên website hoặc các báo cáo công bố trên phương tiện thông tin đại chúng
b. Công bố tại đại hội đồng cổ đông
c. Công bố cả hai
d. Không công bố

Chọn a hoặc b: 1 điểm; c: 2 điểm, d: không điểm

22. Chủ tịch HĐQT là thành viên không độc lập (Tối đa 1 điểm)

- a. Đúng b. Sai

Chọn a: 0 điểm, b: 1 điểm

23. HĐQT có các uỷ ban: (Tối đa 3 điểm)

- a. Uỷ ban nhân sự b. Uỷ ban quản lý rủi ro c. Uỷ ban khác

Nếu chọn Uỷ ban khác (xin nêu tên cụ thể):

Chọn a và b: 1 điểm

Chỉ chọn a hoặc b hoặc c: 0 điểm

Chọn cả a, b, c: 3 điểm

24. Ngân hàng có quy trình: (Tối đa 2 điểm)

- a. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thành viên HĐQT
b. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cao cấp

Chọn a: 1 điểm

Chọn b: 1 điểm

25. Hồ sơ ứng viên cho vị trí thành viên HĐQT được công bố cho cổ đông trước khi tổ chức ĐHĐCĐ (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 điểm

Chọn b: 0 điểm

26. Ứng viên, thành viên HĐQT có công bố cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của thông tin cung cấp (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 điểm

Chọn b: 0 điểm

27. Nhiệm kỳ của các thành viên lệch nhau (Tối đa 1 điểm)

- a. Đúng b. Sai

Chọn a: 1 điểm

Chọn b: 0 điểm

28. Biên bản, nghị quyết HĐQT được công bố (Tối đa 1 điểm)

- a. Đúng b. Sai

Chọn a: 1 điểm

Chọn b: 0 điểm

29. Ngân hàng:

- a. Chỉ có uỷ ban kiểm toán
b. Chỉ có phòng kiểm toán nội bộ
c. Có cả uỷ ban kiểm toán và phòng kiểm toán nội bộ

30. Có thông tin giúp đánh giá được năng lực và tính độc lập của thành viên của uỷ ban kiểm toán hoặc phòng kiểm toán nội bộ (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 điểm

Chọn b: 0 điểm

31. Có thư ký ngân hàng hoặc ban thư ký hội đồng quản trị (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 điểm

Chọn b: 0 điểm

32. Tỷ lệ sở hữu cổ phần tối thiểu để đề cử thành viên HĐQT (Tối đa 1 điểm)

- a. Quy định của ngân hàng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tối thiểu là 5%
b. Quy định của ngân hàng tỷ lệ sở hữu là nhỏ hơn 5%

c. Quy định của ngân hàng tỷ lệ sở hữu là lớn hơn 5% (bổ sung so với bản 23.3.2012)

Chọn a: 1 điểm

Chọn b: 1 điểm

Chọn c: 0 điểm

Theo đề tài, nếu bằng hoặc nhỏ hơn 5%, được 1 điểm, nếu lớn hơn là 0 điểm

33. Có quy chế/chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp (Tối đa 1 điểm)

a. Có b. Không c. Đang soạn thảo

Chọn a: 1 điểm

Chọn b hoặc c: 0 điểm

34. Có hoạt động đánh giá kết quả công việc của thành viên HĐQT (Tối đa 1 điểm)

a. Có b. Không

Chọn a: 1 điểm

Chọn b: 0 điểm

35. Ngân hàng có (Tối đa 6 điểm)

- a. Chính sách cán bộ kế cận
- b. Công bố số lần họp HĐQT trong năm
- c. Công bố tỷ lệ tham gia họp trong năm
- d. Công bố về công việc các thành viên HĐQT đang đảm nhiệm
- e. Cung cấp đào tạo dành cho thành viên HĐQT
- f. Mua bảo hiểm trách nhiệm cho thành viên HĐQT

Chọn mỗi phương án, được 1 điểm

36. HĐQT có độc lập trong việc xác định thù lao của ban điều hành không? (Vui lòng khoanh tròn lựa chọn đánh giá theo mức độ tăng dần của tính độc lập)(Tối đa 1 điểm)

1 2 3 4

Không độc lập

Độc lập hoàn toàn

Chọn 3 hoặc 4: 1 điểm

Chọn 1 hoặc 2: 0 điểm

37. Hình thức thù lao HĐQT (Tối đa 3 điểm)

a. Tiền mặt b. Cổ phần thông thường c. Cổ phần ưu đãi

Chọn mỗi phương án, được 1 điểm

38. Ngân hàng có công bố tại ĐHCĐ (Tối đa 3 điểm):

- a. Thông tin về thù lao toàn bộ HĐQT
- b. Thông tin về thù lao từng thành viên HĐQT
- c. Kế hoạch về thù lao

Chọn mỗi phương án, được 1 điểm

III. BAN KIỂM SOÁT

39. Có thông tin giúp cổ đông đánh giá được mức độ phù hợp của đào tạo, kinh nghiệm của các thành viên BKS (Tối đa 1 điểm)

a. Có b. Không

Chọn a: 1 điểm

Chọn b: 0 điểm

40. Ứng viên BKS có cam kết về đạo đức nghề nghiệp (Tối đa 1 điểm)

a. Có b. Không

Chọn a: 1 điểm

Chọn b: 0 điểm

41. BKS có quy trình thực hiện nhiệm vụ 1 cách độc lập (Tối đa 1 điểm)

a. Có b. Không

Chọn a: 1 điểm

Chọn b: 0 điểm

42. Ngân hàng có quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 đ

Chọn b: 0 đ

43. Ban kiểm soát có quy chế hoạt động (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 điểm

Chọn b: 0 đ

44. Có công bố số lượng cuộc họp/năm của ban kiểm soát (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 đ

Chọn b: 0 đ

45. BKS được trả thù lao dựa trên kết quả công việc (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 đ

Chọn b: 0 đ

46. Ngân hàng có hoạt động đào tạo cho ban kiểm soát (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 đ

Chọn b: 0 đ

IV. CÔNG BỐ THÔNG TIN, MINH BẠCH VÀ KIỂM TOÁN (Tối đa 2 điểm)

47. Ngân hàng

- a. Lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam
b. Lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán hoặc báo cáo tài chính quốc tế
c. Cả hai chuẩn mực (Việt Nam và quốc tế)

Chọn a: 1 đ

Chọn b: 1 đ

Chọn c: 2 đ

48. Ngân hàng công bố (Tối đa 6 điểm)

- a. Báo cáo tài chính năm, quý chưa kiểm toán
b. Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán
c. Báo cáo tài chính hợp nhất và của các ngân hàng con
d. Báo cáo thường niên
e. Các giao dịch nội bộ
f. Các giao dịch với bên liên quan

Chọn mỗi phương án: 1 điểm

49. Ngân hàng công bố báo cáo tài chính của mình theo (Tối đa 1 điểm)

- a. Tháng b. Quý c. Năm

Chỉ chọn a hoặc a,b hoặc a,c : 0 điểm

Chọn b,c hoặc cả a, b, c: 1 điểm

50. Ngân hàng có công bố báo cáo tài chính và báo cáo thường niên của mình đúng hạn không? (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 đ

Chọn b: 0 đ

51. Ngân hàng có đưa ra lý do giải trình về việc công bố báo cáo tài chính và báo cáo thường niên chậm không? (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 đ

Chọn b: 0 đ

52. Ngân hàng có giải trình về việc nếu có sai lệch lớn giữa báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và báo cáo tài chính được kiểm toán? (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 đ

Chọn b: 0 đ

53. Ngân hàng có website riêng (Tối đa 2 điểm)

- a. Có cập nhật liên tục
b. Không có web site hoặc không cập nhật liên tục
c. Bằng tiếng anh (làm rõ ý b so với bản hỏi 23.3)

a: 1 điểm

b: 0 điểm

c: 1 điểm

54. Hình thức hoạt động quan hệ với cổ đông (Tối đa 3 điểm)

- a. Bản tin cho cổ đông/nhà đầu tư
b. Hội nghị cổ đông/nhà đầu tư
c. Hình thức khác (Vui lòng nêu các hình thức khác dưới đây)

.....
Chọn mỗi phương án: 1 đ

55. Công ty kiểm toán độc lập là công ty thuộc nhóm 4 công ty kiểm toán lớn (E & Y, PWC, KPMG, Deloitte Vietnam) (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 đ

Chọn b: 0 đ

56. Ngân hàng có quy trình lựa chọn kiểm toán độc lập (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 đ

Chọn b: 0 đ

57. Ngân hàng có chính sách thay đổi kiểm toán (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 đ

Chọn b: 0 đ

58. Ngân hàng trên thực tế có thay đổi kiểm toán (ít nhất 5 năm/lần) (Tối đa 1 điểm)

- a. Có b. Không

Chọn a: 1 đ

Chọn b: 0 đ

V. CÁC VI PHẠM

59. Bằng chứng về những vi phạm liên quan đến công bố thông tin

- a. Có b. Không

Chọn a: trừ 1 đ

60. Bằng chứng về những vi phạm liên quan đến kiểm toán

- a. Có b. Không

Chọn a: trừ 1 đ

Nguồn: Bảng hỏi này chủ yếu tham khảo Bộ chỉ tiêu khuyến nghị để xếp hạng quản trị công ty của công ty niêm yết do TS. Trương Thị Nam Thắng đề xuất trong Đề tài “Bộ tiêu chí đánh giá xếp hạng quản trị các công ty niêm yết Việt Nam”, và điều chỉnh các nội dung để phù hợp với ngành ngân hàng.